**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**THỎ VÀ RÙA**

*Một hôm, trong khu rừng nọ tổ chức đại hội thể thao lớn trong năm, tất cả các loài vật trong rừng đều hào hứng tham gia. Có rất nhiều cuộc thi thú vị như thỉ nhảy cao, thi trèo cây và cả thi bơi nữa…*

*Một nhân vật đáng chú ý đến trong khu rừng vốn có tài chạy nhanh nên Thỏ con vui vẻ ghi tên tham gia cuộc thi chạy. Đúng lúc đó, một chú Rùa chậm chạp bò tới cuộc thi để đăng kí . Thỏ nhìn thấy Rùa thì cười nói: “Này Rùa, cậu mà cũng đến đăng ký dự thi hay sao? Cậu không biết nhảy cao, không biết trèo cây, đến đi còn chậm chạp như thế thì thi thố cái gì. Thôi, cậu đừng tự làm khó mình nữa.” Rùa nói: “Ai nói tớ không thể tham gia thi chứ? Không tin thì chúng ta cùng thi tài xem sao.” Thỏ cười nói: “Thi cái gì? Thi chạy nhanh nhé.” Rùa đáp: “Được thôi.” Một trận quyết chiến đã xảy ra thế là Thỏ và Rùa giao hẹn,nếu ai chạy đến gốc gây dưới chân núi trước thì sẽ giành phần thắng.*

*Cuộc đua diễn ra “Chuẩn bị! Chạy!” hiệu lệnh vừa dứt, Thỏ liền sải chân chạy nhanh như bay, chỉ trong nháy mắt đã chạy được một quãng đường rất xa. Nó quay đầu lại rất đắc ý nhìn thì chẳng thấy bóng dáng Rùa đâu, bèn nghĩ bụng: “Rùa mà dám chạy thi với Thỏ, đúng là chuyện nực cười nhất thế giới! Thế là rùa tự cao xem thường Rùa và rồi Thỏ đã nghĩ  : “Thôi mình cứ tạm dừng lại ngủ một giấc lấy sức rồi dậy chạy tiếp cũng không muộn.” Thế là Thỏ dựa vào gốc cây, ngủ một giấc thật khoan khoái.*

(*https://giadinh.tv/tho-va-rua-chay-thi/)*

**1. Khoanh tròn vào đáp án đúng (từ câu 1 đến câu 8 – 4,0 điểm)**

**Câu 1**. Văn bản *“Thỏ và Rùa”* thuộc thể loại nào? **(nhận biết)**

**A. truyện ngụ ngôn**

B. truyện đồng thoại

C. truyền thuyết

D. truyện cổ tích

**Câu 2**. Truyện “*Thỏ và Rùa”* được kể theo ngôi thứ mấy? **(nhận biết)**

A. ngôi thứ nhất B. ngôi thứ hai

**C. ngôi thứ ba** D. kết hợp nhiều ngôi kể

**Câu 3**. Trong câu: *“Một trận quyết chiến đã xảy ra thế là Thỏ và Rùa giao hẹn, nếu ai chạy đến gốc cây dưới chân núi trước thì sẽ giành phần thắng”* **có mấy phó từ?****(nhận biết)**

1. 1
2. 2
3. **3**
4. 4

**Câu 4**. Trong câu truyện trên, vì sao Rùa lại giành chiến thắng? **(Học sinh lựa chọn đáp án đúng nhất.) (thông hiểu)**

A. vì Rùa không chủ quan, tích cực luyện tập.

B. vì Rùa kiên trì và biết cố gắng.

C. vì Rùa chăm chỉ và nghiêm túc.

**D. vì Rùa có tính kiên trì, nhẫn nại và chăm chỉ.**

**Câu 5**. Dấu chấm lửng trong câu: “*Có rất nhiều cuộc thi thú vị như thi nhảy cao, thi trèo cây và cả thi bơi nữa…”* có công dụng gì? **(thông hiểu)**

A**.** đánh dẫn lời dẫn trực tiếp

 B. thể hiện lời nói ngập ngừng, ngắt quãng

 **C. tỏ ý còn nhiều cuộc thi vẫn chưa liệt kê hết**

 D. làm giãn nhịp câu văn

**Câu 6.** Câu chuyện *“Thỏ và Rùa”* muốn nhắc nhở điều gì? **(thông hiểu)**

1. nhắc nhở mọi người cần có tinh thần đoàn kết
2. **nghiêm khắc nhắc nhở những ai hay ỷ vào sức mình mà chủ quan**
3. nhắc nhở mọi người không nên vội vàng, hấp tấp
4. nghiêm khắc nhắc nhở mọi người cần cố gắng trong học tập

**Câu 7**. Đoạn trích: “*Nó quay đầu lại rất đắc ý nhìn thì chẳng thấy bóng dáng Rùa đâu, bèn nghĩ bụng: “Rùa mà dám chạy thi với Thỏ, đúng là chuyện nực cười nhất thế giới!”* thể hiện tính cách gì của Thỏ? **(thông hiểu)**

1. thể hiện sự thông minh

**B. thể hiện sự kiêu ngạo**

C. thể hiện sự nhanh nhẹn

D. thể hiện sự hồn nhiên

**Câu 8**. Sắp xếp thứ tự các sự việc theo đúng diễn biến của câu chuyện: **(thông hiểu)**

*1. Rùa tập chạy bên bờ sông.*

*2. Cả hai bắt đầu thi.*

*3. Thỏ chế giễu rùa và thách thi chạy.*

*4. Rùa đã về trước Thỏ.*

*5. Thỏ nhởn nhơ, chơi đùa vì nghĩ cầm chắc chiến thắng.*

1. 1-2-3-5-4
2. 1-2-5-3-4
3. 1-5-4-3-2
4. **1-3-2-5-4**

**2. Trả lời câu hỏi (từ câu 9 đến câu 10 – 2,0 điểm)**

**Câu 9**. Em có đồng tình với cách ứng xử trong đoạn trích sau của Thỏ hay không? Vì sao? **(vận dụng)**

“*Đúng lúc đó, một chú Rùa chậm chạp bò tới cuộc thi để đăng kí. Thỏ nhìn thấy Rùa thì cười nói: “Này Rùa, cậu mà cũng đến đăng ký dự thi hay sao? Cậu không biết nhảy cao, không biết trèo cây, đến đi còn chậm chạp như thế thì thi thố cái gì.”*

**Câu 10**. Qua câu truyện *“Thỏ và Rùa”*, em rút ra được bài học gì? **(vận dụng)**

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Ít lâu nay, một số bạn trong lớp có phần lơ là trong học tập. Em hãy viết một bài văn để thuyết phục bạn: *Nếu khi còn trẻ, ta không chịu khó học tập thì lớn lên ta sẽ chẳng làm được việc gì có ích.*

------------------------- Hết -------------------------

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | **60** |
| Tùy bút, tản văn |
| **2** | **Viết** | Thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong trò chơi hay hoạt động | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| Kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử |
| **Tổng** | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | **60%** | **40%** |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức**  | **Mức độ đánh giá**  | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận Dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ)Tùy bút, tản văn | **Nhận biết:**- Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.- Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.- Xác định được số từ, phó từ.**Thông hiểu:**- Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.- Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.- Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.- Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng.**Vận dụng:**- Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân. - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. **Nhận biết**- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cảnh vật, con người, sự kiện được tái hiện trong tuỳ bút, tản văn.- Nhận biết được cái tôi, sự kết hợp giữa chất tự sự, trữ tình, nghị luận, đặc trưng ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn. - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).**Thông hiểu:**- Phân tích được nét riêng về cảnh vật, con người được tái hiện trong tùy bút, tản văn.- Hiểu và lí giải được những trạng thái tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản.- Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.- Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.**Vận dụng:**- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tuỳ bút, tản văn.- Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm, thông điệp của tác giả trong tùy bút, tản văn. | 3 TN | 5TN | 2 TL |  |
| 2 | **Viết** | Viết bài văn thuyết minh về luật lệ trong trò chơi kéo co. | **Nhận biết:****Thông hiểu:****Vận dụng:****Vận dụng cao:**Viết được bài văn thuyết minh dùng để giải thích quy tắc hay luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động. Giải thích được rõ ràng các quy định về một hoạt động, trò chơi/ hướng dẫn cụ thể theo đúng một quy trình nào đó đối với một trò chơi hay một hoạt động. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 TL\* |
|  **Tổng** |  | **3 TN** | **5 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** |  | **20** | **40** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **60** | **40** |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

***(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề.)***

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc bài thơ sau:**

 **ÁNH TRĂNG**

*Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với bể
hồi chiến tranh ở rừng
vầng trăng thành tri kỷ*

*Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ
ngỡ không bao giờ quên
cái vầng trăng tình nghĩa*

*Từ hồi về thành phố
quen ánh điện, cửa gương
vầng trăng đi qua ngõ
như người dưng qua đường*

*Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn-đinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn*

*Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng*

*Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.*

 *(Ánh trăng*, Nguyễn Duy, NXB Tác phẩm mới, 1984*)*

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1.** Bài thơ *Ánh trăng* được làm theo thể thơ nào?

A. Bốn chữ

B. Tự do

C. Năm chữ

D. Lục bát

**Câu 2.** Khi gặp lại vầng trăng trong một tình huống đột ngột, nhà thơ đã có cảm xúc như thế nào?

A. Rưng rưng

B. Lo âu

C. Ngại ngùng

D. Vô cảm

**Câu 3.** Trong bài thơ trên, tác giả nhắc tới những thời điểm nào?

1. Hồi nhỏ
2. Hồi về thành phố
3. Hồi nhỏ, hồi chiến tranh và hồi về thành phố.
4. Hồi chiến tranh.

**Câu 4.** Từ tri kỉ trong câu “*vầng trăng thành tri kỉ*” có nghĩa là gì?

A. Người bạn rất thân, hiểu rõ lòng mình

B. Biết được giá trị của người nào đó

C. Người có hiểu biết rộng

D. Biết ơn người khác đã giúp đỡ mình

**Câu 5.** Từ *“ngỡ”* trong câu *“ngỡ không bao giờ quên”* đồng nghĩa với từ nào?

A. Nói

B. Bảo

C. Thấy

D. Nghĩ

**Câu 6.** Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ “*như là đồng là bể* - *như là sông là rừng”*?

A. Nhân hóa

B. So sánh

C. Nói quá

D. Nói giảm, nói tránh

**Câu 7.** Hình ảnh *“trăng cứ tròn vành vạnh”* tượng trưng cho điều gì?

A. Hạnh phúc viên mãn, tròn đầy.

B. Hình ảnh của quá khứ nghĩa tình, vẫn tròn đầy, trọn vẹn.

C. Thiên nhiên, vạn vật luôn tuần hoàn.

D. Cuộc sống hiện tại no đủ, sung sướng.

**Câu 8.** Vì sao đến cuối bài thơ, tác giả lại “*giật mình*” ?

A. Vì tác giả chợt nhận ra sự vô tình của mình và thấy cần phải trân trọng những gì đã qua.

B. Vì tác giả vốn hay bị giật mình trước những tình huống bất ngờ.

C. Vì vầng trăng đã gợi lại kỉ niệm xưa.

D. Vì bất ngờ *“ta”* gặp lại vầng trăng xưa.

**Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9.** Câu chuyện trong bài thơ *Ánh trăng* muốn nhắc nhở chúng ta điều gì về thái độ sống?

**Câu 10.** Em hãy tìm một câu tục ngữ diễn tả chính xác nội dung của chủ đề tác phẩm.

**II. LÀM VĂN (4.0 điểm)**

 Em hãy viết một bài văn thuyết minh về luật lệ trong trò chơi kéo co.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần**  | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
| **9** | Bài thơ gợi lên những suy nghĩ về đạo lý, lẽ sống của người Việt ta. Câu chuyện trong bài thơ nhắc nhở chúng ta đừng bao giờ quên quá khứ, đừng bao giờ trở thành kẻ vô tình, bạc bẽo. | 1 |
| **10** |  Tục ngữ: “Uống nước nhớ nguồn”  | 1 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn thuyết minh.* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề.**Giải thích quy tắc hay luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.* | 0,25 |
|  | *c. Thuyết minh về luật lệ trong trò chơi kéo co.*Học sinh có thể thuyết minh theo nhiều cách khác nhau nhưng vẫn đảm bảo được các yêu cầu sau: |  |
|  | * Giới thiệu được trò chơi.
* Miêu tả cách chơi (quy tắc).
* Miêu tả luật chơi.
* Nêu tác dụng của trò chơi.

Nêu ý nghĩa của trò chơi. | 2,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt | 0,5 |
|  | *e. Sáng tạo:* Bố cục mạch lạc, tri thức chính xác, cô đọng, miêu tả sinh động hấp dẫn. | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội** **dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | **60** |
|  |  | Truyện khoa học viễn tưởng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | **20** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | **60%** | **40%** |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/****Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **Nhận biết**:- Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản.- Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện.- Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn.- Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).**Thông hiểu**:- Tóm tắt được cốt truyện.- Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.- Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.- Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.**Vận dụng:**- Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.**-** Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm.  | 3 TN | 5 TN | 2 TL |  |
|  |  | Truyện khoa học viễn tưởng | **Nhận biết**:- Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu, những yếu tố mang tính “viễn tưởng” của truyện biễn tưởng (những tưởng tượng dựa trên những thành tựu khoa học đương thời).- Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.- Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện viễn tưởng.- Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).**Thông hiểu**:- Tóm tắt được cốt truyện.- Nêu được chủ đề, thông điệp, những điều mơ tưởng và những dự báo về tương lai mà văn bản muốn gửi đến người đọc.- Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật truyện khoa học viễn tưởng thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.**Vận dụng:**- Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong văn bản. |  |  |  |  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:****Thông hiểu:****Vận dụng:****Vận dụng cao:**Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 TL\* |
| **Tổng** |  | **3TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **60** | **40** |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**CON LỪA VÀ BÁC NÔNG DÂN**

 *Một ngày nọ, con lừa của một ông chủ trang trại sẩy chân rơi xuống một cái giếng. Lừa kêu la tội nghiệp hàng giờ liền. Người chủ trang trại cố nghĩ xem nên làm gì. Cuối cùng ông quyết định: con lừa đã già, dù sao thì cái giếng cũng cần được lấp lại và không ích lợi gì trong việc cứu con lừa lên cả. Thế là ông nhờ vài người hàng xóm sang giúp mình.*

*Họ xúc đất và đổ vào giếng. Ngay từ đầu, lừa đã hiểu chuyện gì đang xảy ra và nó kêu la thảm thiết. Nhưng sau đó lừa trở nên im lặng. Sau một vài xẻng đất, ông chủ trang trại nhìn xuống giếng và vô cùng sửng sốt. Mỗi khi bị một xẻng đất đổ lên lưng, lừa lắc mình cho đất rơi xuống và bước chân lên trên. Cứ như vậy, đất đổ xuống, lừa lại bước lên cao hơn. Chỉ một lúc sau mọi người nhìn thấy chú lừa xuất hiện trên miệng giếng và lóc cóc chạy ra ngoài.*

  *(Con lừa và bác nông dân,* TruyenDanGian.Com).

**Câu 1**. Truyện “*Con lừa và bác nông dân”*thuộc thể loại nào?

A. Truyện thần thoại. B. Truyện ngụ ngôn. C. Truyền thuyết. D. Truyện cổ tích.

**Câu 2**. **Trong đoạn 1 câu chuyện, con lừa đã rơi vào hoàn cảnh nào?**

A. Con lừa sẩy chân rơi xuống một cái giếng.

B. Con lừa đang làm việc quanh cái giếng.

C. Con lừa xuất hiện trên miệng giếng.

D. Con lừa bị ông chủ và hàng xóm xúc đất đổ vào người.

**Câu 3*.* Khi con lừa bị ngã, bác nông dân đã làm gì?**

A. Bác nông dân ra sức kéo con lừa lên.

B. Bác nông dân động viên và trò chuyện với con lừa.

C. Bác nông dân nhờ những người hàng xóm xúc đất đổ vào giếng.

D. Bác nông dân nhờ hàng xóm cùng giúp sức kéo con lừa lên.

**Câu 4*.* Theo em, từ *“sẩy”* trong câu “***Một ngày nọ, con lừa của một ông chủ trang trại sẩy chân rơi xuống một cái giếng”* có nghĩa là gì?

A. Để sổng mất đi, do sơ ý.

B. Ví hoàn cảnh gia đình bị chia lìa, mỗi người một nơi.

C. **Mất đi người thân hoặc con vật thân thiết.**

D. Sơ ý, không cẩn thận mà không kịp giữ lại, để xảy ra điều đáng tiếc.

**Câu 5**. Vì sao bác nông dân quyết định chôn sống chú lừa?

A.Vì ông thấy phải mất nhiều công sức mới kéo chú lừa lên được.

B. Vì ông cần về nhà gấp không có thời gian để kéo chú lừa lên.

C.Vì ông nghĩ con lừa đã già, không ích lợi gì trong việc cứu con lừa lên cả.

D. Vì ông không muốn mọi người phải nghe tiếng kêu la của chú lừa.

**Câu 6**. Theo em, những *“xẻng đất”* trong văn bản tượng trưng cho điều gì?

A. Những nặng nhọc, mệt mỏi.

B. Những thử thách, cơ hội.

C. Là hình ảnh lao động.

D. Là sự chôn vùi, áp bức.

**Câu 7.** Nhờ đâu, chú lừa già thoát ra khỏi cái giếng?

A. Ông chủ lấy xẻng giúp chú thoát ra.

B. Chú biết giũ sạch đất trên người để không bị chôn vùi.

C. Chú giẫm lên chỗ đất có sẵn trong giếng để thoát ra.

D. Chú liên tục đứng ngày càng cao hơn trên chỗ đất ông chủ đổ xuống để thoát ra.

**Câu 8.** Hành động chú lừa *“lắc mình, bước chân lên trên”* thể hiện tính cách gì của chú lừa?

A. Nhút nhát, sợ chết.

B. Bình tĩnh, thông minh.

C. Yếu đuối, buông xuôi.

D. Nóng vội, xốc nổi.

**Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu sau:**

**Câu 9**. Hãy chỉ ra sự khác nhau trong quyết định của người nông dân và con lừa?

**Câu 10**. Qua câu chuyện, em rút ra bài học gì cho bản thân?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về lối sống trải nghiệm?

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | HS nêu được :- Người nông dân: Lúc đầu định giúp lừa ra khỏi giếng, nhưng sau nghĩ lừa già và cái giếng cũng cần được lấp. Vì thế, nhanh chóng buông xuôi, bỏ cuộc.- Con lừa: Lúc đầu kêu la thảm thiết muốn thoát khỏi giếng nhưng rồi đã khôn ngoan, dùng chính những xẻng đất muốn vùi lấp nó để tự giúp nó thoát ra khỏi cái giếng.*(Lưu ý: Học sinh có thể diễn đạt bằng các từ ngữ tương đương vẫn đạt điểm tối đa.)* | 1,0 |
|  | **10** | Bài học rút ra:VD: Trong bất cứ hoàn cảnh khó khăn, thử thách nào trong cuộc sống, sự hi vọng, dũng cảm, nỗ lực sẽ đem đến cho chúng ta sức mạnh vì:- Hi vọng giúp chúng ta có tinh thần lạc quan, xóa đi mệt mỏi.- Giúp chúng ta tìm ra cách giải quyết, là động lực giúp chúng ta vượt quan những khó khăn, thử thách…Hoặc: Sự ứng biến trong mọi hoàn cảnh…*(Lưu ý: Học sinh có thể diễn đạt bằng các từ ngữ tương đương vẫn đạt điểm tối đa.)* | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  |  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận*Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát vấn đề. | 0,25 |
|  |  | b. *Xác định đúng yêu cầu của đề.**Trình bày suy nghĩ về lối sống trải nghiệm* | 0,25 |
|  |  | c. *Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng, đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
|  |  | **\* Mở bài:** - Nêu được vấn đề cần nghị luận.**\* Thân bài:** - Giải thích được khái niệm trải nghiệm là gì? (Là tự mình trải qua để có được hiểu biết, kinh nghiệm, tích lũy được nhiều kiến thức và vốn sống).- Bình luận và chứng minh về vai trò, ý nghĩa và sự cần thiết của trải nghiệm đối với cuộc sống của con người đặc biệt là tuổi trẻ. (Hiểu biết, kinh nghiệm, có cách nghĩ, cách sống tích cực, biết yêu thương, quan tâm chia sẻ... Trải nghiệm giúp bản thân khám phá ra chính mình để có quyết định đúng đắn, sáng suốt...; Giúp con người sáng tạo, biết cách vượt qua khó khăn, có bản lĩnh, nghị lực...(dẫn chứng).- Chỉ ra những tác hại của lối sống thụ động, ỷ lại, nhàm chán, vô ích, đắm chìm trong thế giới ảo, các tệ nạn...- Bài học rút ra: Vai trò to lớn, cần thiết, có lối sống tích cực, có trải nghiệm để bản thân trưởng thành, sống đẹp...**\*Kết bài:** - Đánh giá, khẳng định tính đúng đắn của vấn đề nghị luận. | 2,5 |
|  |  | *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,5 |
|  |  | *e. Sáng tạo:* Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | **60%** | **40%** |

**Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản nghị luận | **Nhận biết**:- Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống - Xác định được phép liên kết**Thông hiểu**:- Xác định được nội dung chính của văn bản- Chỉ ra tác dụng của dấu chám lửng**Vận dụng:** - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.- Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:** **Thông hiểu:** **Vận dụng:** **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng | 1TL\* | 1TL\* | 1TL\* | 1TL\* |
| **Tổng** |  | **3TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **60** | **40** |

**Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút (Không kể thời gian giao đề)*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**BỆNH LỀ MỀ**

 *Trong đời sống hiện nay có một hiện tượng khá phổ biến, mọi người đều thấy, nhưng thường bỏ qua. Đó là bệnh lề mề mà coi thường giờ giấc là một biểu hiện. Cuộc họp ấn định vào lúc 8 giờ sáng mà 9 giờ mới có người đến. Giấy mời hội thảo ghi 14 giờ mà mãi đến 15 giờ mọi người mới có mặt. Hiện tượng này xuất hiện trong nhiều cơ quan, đoàn thể, trở thành một bệnh khó chữa.*

*Những người lề mề ấy, khi ra sân bay, lên tàu hỏa, đi nhà hát ...chắc là không dám đến muộn, bởi đến muộn là có hại ngay đến quyền lợi thiết thân của họ. Nhưng đi họp, hội thảo là việc chung, có đến muộn cũng không thiệt gì. Thế là hết chậm lần này đến chậm lần khác, và bệnh lề mề không sửa được.*

*Bệnh lề mề suy cho cùng là do một số người thiếu tự trọng và chưa biết tôn trọng người khác tạo ra. Họ chỉ quý thời gian của mình mà không tôn trọng thời gian của người khác. Họ không coi mình là người có trách nhiệm đối với công việc chung của mọi người.*

*Bệnh lề mề gây hại cho tập thể. Đi họp muộn, nhiều vấn đề không được bàn bạc thấu đáo, hoặc khi cần lại phải kéo dài thời gian. Bệnh lề mề gây hại cho những người biết tôn trọng giờ giấc. Ai đến đúng giờ lại cứ phải đợi người đến muộn. Bệnh lề mề tạo ra tập quán không tốt: Muốn người dự đến đúng giờ như mong muốn, giấy mời thường phải ghi giờ khai mạc sớm hơn 30 phút hay một giờ!*

*Cuộc sống văn minh hiện đại đòi hỏi mọi người phải tôn trọng lẫn nhau và hợp tác với nhau. Những cuộc họp không thật cần thiết thì không nên tổ chức. Nhưng những cuộc hội họp cần thiết thì mọi người cần tự giác tham dự đúng giờ. Làm việc đúng giờ là tác phong của người có văn hóa.*

*(Theo Phương Thảo - Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam,2007, tr 20)*

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1:** Văn bản “Bệnh lề mề” thuộc loại văn bản nào?

A. Văn bản biểu cảm

B. Văn bản nghị luận

C. Văn bản tự sự

D. Văn bản thuyết minh

**Câu 2:** Văn bản trên bàn về vấn đề gì?

A. Việc ăn mặc không đúng tác phong.

B. Việc nói năng thiếu văn hóa

C. Việc coi thường giờ giấc.

D. Việc vứt rác bừa bãi.

**Câu 3:** Nhận định nào không đúng về văn bản “Bệnh lề mề”?

A. Bài viết ngắn gọn súc tích, thể hiện rõ tình cảm của người viết.

B. Người viết thể hiện rõ ý kiến đối với vấn đề cần bàn bạc.

C. Trình bày những ý kiến, lí lẽ rõ ràng, cụ thể.

D. Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

**Câu 4:** Từ ngữ in đậm trong đoạn văn dưới đây được sử dung theo hình thức liên kết nào?

*“Những cuộc họp không thật cần thiết thì không nên tổ chức.* ***Nhưng*** *những cuộc hội họp cần thiết thì mọi người cần tự giác tham dự đúng giờ. ”*

A. Phép thế

B. Phép lặp

C. Phép liên tưởng

D. Phép nối

**Câu 5:** Ý nào không đúng khi nói về “tác hại của bệnh lề mề” từ văn bản trên?

A. Bệnh lề mề gây hại cho tập thể.

B. Đi họp muộn, nhiều vấn đề không bàn bạc tháu đáo.

C. Bệnh lề mề suy cho cùng là do một số người thiếu tự trọng.

D. Bệnh lề mề tạo ra tập quán không tốt.

**Câu 6:** Dấu chấm lửng trong câu sau dùng để làm gì?

*Những người lề mề ấy, khi ra sân bay, lên tàu hỏa, đi nhà hát ...chắc là không dám đến muộn, bởi đến muộn là có hại ngay đến quyền lợi thiết thân của họ.*

A. Tỏ ý còn nhiều hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.

B. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng

C. Làm giãn nhịp điệu câu văn.

D. Chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.

**Câu 7:** Văn bản “Bệnh lề mề” bàn về những khía cạnh nào của vấn đề?

A. Biểu hiện, nguyên nhận, mặt lợi, giải pháp

B. Biểu hiện, nguyên nhận, mặt hại, giải pháp

C. Khái niệm, nguyên nhận, mặt lợi, giải pháp

D. Khái niệm, nguyên nhận, mặt hại, giải pháp

**Câu 8:** Văn bản “Bệnh lề mề” sử dụng phép lập luận nào?

A. Phép lập luận giải thích

B. Trình bày khái niệm và nêu ví dụ

C. Phép liệt kê và đưa số liệu

D. Phép lập luận phân tích và chứng minh

**Câu 9:** Em có đồng ý với ý kiến sau đây không? Vì sao?

 *Làm việc đúng giờ là tác phong của người có văn hóa.*

**Câu 10.**Qua văn bản trên em rút ra bài học gì về việc sử dụng thời gian?

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | Học sinh có thể trả lời đồng ý hoặc không đồng ý kèm lí giải hợp lí | 1,0  |
|  | **10** | HS nêu được ít nhất 01 bài học về việc sử dụng thời gian:Gợi ý:- Cần tuân thủ thời gian để không ảnh hưởng đến người khác và công việc chung- Phải có kế hoạch cụ thể để không lãng phí thời gian... | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.  | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: viết bài văn về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm  | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý: |  |
|  | - Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận- Triển khai các vấn đề nghị luận- Thực trạng, nguyên nhân, hậu quả, giải pháp, …- Khẳng định lại ý kiến, nêu bài học nhận thức và phương hướng hành động. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7, BỘ SÁCH KẾT NỐI**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | **60%** | **40%** |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN 7**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức**  | **Mức độ đánh giá**  | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **Nhận biết**:- Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản.- Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện.- Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn.- Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).**Thông hiểu**:- Tóm tắt được cốt truyện.- Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.- Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.- Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.**Vận dụng:**- Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.**-** Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm.  | 3 TN | 5TN | 2 TL |  |
| 2 | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:****Thông hiểu:****Vận dụng:****Vận dụng cao:**Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối của người viết); đưa ra được lí lẽ rõ ràng và dẫn chứng đa dạng. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 TL\* |
| **Tổng** |  | **3 TN** | **5 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** |  | **20** | **40** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **60** | **40** |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

***(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề.)***

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**RÙA VÀ THỎ**

*Trời mùa thu mát mẻ. Trên bờ sông, Rùa đang cố sức tập chạy. Thỏ trông thấy liền mỉa mai Rùa:*

*- Đồ chậm như sên. Mày mà cũng đòi tập chạy à?*

*- Anh đừng giễu tôi. Anh với tôi thử chạy thi, coi ai hơn?*

*Thỏ vểnh tai tự đắc:*

*- Được, được! Dám chạy thi với ta sao? Ta chấp mi một nửa đường đó.*

*Rùa không nói gì. Nó biết mình chậm chạp, nên cố sức chạy thật nhanh. Thỏ nhìn theo mỉm cười. Nó nghĩ: “Ta chưa cần chạy vội, đợi Rùa gần đến đích ta phóng cũng vừa”. Nó nhởn nhơ trên đường, nhìn trời, nhìn mây. Thỉnh thoảng nó lại nhấm nháp vài ngọn cỏ non, có vẻ khoan khoái lắm.*

*Bỗng nó nghĩ đến cuộc thi, ngẩng đầu lên thì đã thấy Rùa chạy gần tới đích. Nó cắm cổ chạy miết nhưng không kịp nữa. Rùa đã tới đích trước nó.*

 (*Rùa và Thỏ*, Theo truyện La Phông-ten,

SGK lớp 1, tập một, NXB Trẻ 2020)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1** **(0,5 điểm)** Truyện ***Rùa và Thỏ*** thuộc thể loại nào?

A. truyền thuyết

B. thần thoại

C. truyện cổ tích

D. truyện ngụ ngôn

**Câu 2** **(0,5 điểm)** Câu chuyện trên được kể bằng lời của ai?

A. lời của nhân vật Rùa

B. lời của nhân vật Thỏ

C. lời của người kể chuyện

D. lời của nhân vật Sên

**Câu 3 (0,5 điểm)** Xác định thành phần trạng ngữ trong câu *Trên bờ sông, Rùa đang cố sức tập chạy*.

**A.**trên bờ sông

**B.**Rùa

**C.**đang cố sức tập chạy

**D.**bờ sông

**Câu 4 (0,5 điểm)** Sắp xếp các sự kiện sau cho phù hợp với thứ tự cốt truyện:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A. Thỏ mỉa mai và thách thức Rùa thi chạy với mình. |  | 1 |
| B. Thỏ thong thả, nhởn nhơ chạy nên về đích về sau Rùa. |  | 2 |
| C. Rùa đang tập chạy bên bờ sông. |  | 3 |
| D. Rùa nhận lời và cố sức chạy thật nhanh. |  | 4 |

**Câu 5 (0.5 điểm)** Chi tiết*Nó nhởn nhơ trên đường, nhìn trời, nhìn mây. Thỉnh thoảng nó lại nhấm nháp vài ngọn cỏ non, có vẻ khoan khoái lắm* đã thể hiện đúng nhất tính cách gì của Thỏ trong cuộc thi tài trên?

**A.**yêu thiên nhiên

**B.**chủ quan, coi thường

**C.**lạc quan, yêu đời

**D.**lười biếng, tham ăn

**Câu 6** **(0,5 điểm)** Trong các câu: “*Rùa không nói gì. Nó biết mình chậm chạp, nên có sức chạy thật nhanh*”, tác giả sử dụng phép liên kết gì?

 A. phép thế

B. phép nối

C. phép lặp

D. dùng từ đồng nghĩa

**Câu 7 (0,5 điểm)** Hãy khoanh tròn vào phương án **Đúng** hoặc **Sai** để chọn ý đúng về ý nghĩa của thành ngữ “chậm như sên” trong câu văn sau:

*- Đồ chậm như sên. Mày mà cũng đòi tập chạy à?*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Ý nghĩa của thành ngữ “chậm như sên”** | **Phương án** |
| A | Di chuyển rất chậm. | Đ | S |
| B | Không thông minh, suy nghĩ chậm. | Đ | S |

**Câu 8 (0,5 điểm)** Dòng nào sau đây đúng nhất khi nói đến ý nghĩa của truyện *Rùa và Thỏ*?

A. Phê phán những những người lười biếng, khoe khoang.

B. Phê phán những người chủ quan, kiêu ngạo, coi thường người khác.

C. Phê phán những người chủ quan, ích kỉ.

D. Phê phán những người coi thường người khác.

**Câu 9 (1,0 điểm) Qua nhân vật Rùa, em rút ra được bài học gì trong cuộc sống?**

**Câu 10 (1,0 điểm) Trong cuộc sống, nếu gặp những người có tính cách như chú thỏ trong câu chuyện, em sẽ khuyên họ điều gì?**

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về vai trò của thầy cô đối với sự trưởng thành của mỗi người.

----------------------Hết----------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần**  | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | D | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | 1. C, 2-A, 3-D, 4-B
 | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | Đ, S | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
| **9** | - Nhận ra những hạn chế của bản thân để cố gắng vươn lên.- Luôn nỗ lực, kiên trì theo đuổi để đạt được những mục tiêu đặt ra trong cuộc sống.(*GV khuyến khích những ý kiến khác của HS, miễn sao thuyết phục và phù hợp với chuẩn mực đạo đức)* | 1,0 |
| **10** | - Không nên kiêu ngạo, coi thường người khác.- Không nên chủ quan khi làm một việc gì đó.- Nên hỗ trợ, giúp đỡ những người yếu thế, có những khuyết điểm…(*GV tôn trọng và ghi nhận những ý kiến khác của học sinh miễn hợp lí, thuyết phục)* | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** |  |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | 0,5 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về vai trò của thầy cô đối với sự trưởng thành của mỗi người | 0,25 |
|  | *c. Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về vai trò của thầy cô đối với sự trưởng thành của mỗi người*HS có thể triển khai luận điểm theo nhiều cách, cần đảm bảo theo các định hướng sau:- Nêu được vấn đề “suy nghĩ của em về vai trò của thầy cô đối với sự trưởng thành của mỗi người” và ý kiến chung về vấn đề trên- Trình bày được sự tán thành với ý kiến cần bàn luận bằng nhiều ý nhỏ.- Kết hợp đưa lí lẽ và dẫn chứng để chứng tỏ sự tán thành là có căn cứ.- Khẳng định được tính xác đáng của ý kiến trên và sự cần thiết của vấn đề. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp:*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lựa chọn dẫn chứng tiêu biểu, linh hoạt, đa dạng;... | 0,5 |
|

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 7**

**BỘ SÁCH KNTT**

**\* Hình thức kiểm tra: trên giấy.**

**\* Thời gian kiểm tra: 90 phút.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | 1. Truyện ngụ ngôn | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| 2. Truyện khoa học viễn tưởng |
| **2** | **Viết** | 1. Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **40** |
| 2. Nghị luận về một vấn đề trong đời sống |
| **Tổng** | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | **60%** | **40%** |

* **Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong *Hướng dẫn chấm*.

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ** **nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **Nhận biết**:- Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản.- Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện.- Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn.- Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).**Thông hiểu**:- Tóm tắt được cốt truyện.- Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.- Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.- Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.**Vận dụng:**- Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.-Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| Thế giới viễn tưởng | **Nhận biết**:- Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu, những yếu tố mang tính “viễn tưởng” của truyện biễn tưởng (những tưởng tượng dựa trên những thành tựu khoa học đương thời).- Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.- Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện viễn tưởng.- Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).**Thông hiểu**:- Tóm tắt được cốt truyện.- Nêu được chủ đề, thông điệp, những điều mơ tưởng và những dự báo về tương lai mà văn bản muốn gửi đến người đọc.- Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật truyện khoa học viễn tưởng thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.**Vận dụng:**- Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong văn bản |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:****Thông hiểu:****Vận dụng:****Vận dụng cao:**Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử | **Nhận biết:****Thông hiểu:****Vận dụng:****Vận dụng cao:** Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả. |
| **Tổng** |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **60** | **40** |

* **Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong *Hướng dẫn chấm*.

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**THẦY BÓI XEM VOI**

*Nhân buổi ế hàng, năm ông thầy bói mù chuyện gẫu với nhau. Thầy nào cũng phàn nàn không biết hình thù con voi nó ra làm sao. Chợt nghe người ta nói có voi đi qua, năm người chung nhau tiền bảo người quản tượng xin cho con voi đứng lại để cùng xem. Thầy sờ vòi, thầy sờ ngà, thầy sờ tai, thầy sờ chân, thầy thì sờ đuôi. Ðoạn năm thầy ngồi lại bàn tán với nhau.*

*Thầy sờ vòi bảo:*

*- Tưởng con voi nó thế nào, hóa ra nó dài như con đỉa!*

 *Thầy sờ ngà bảo:*

*- Không phải, nó cứng như cái đòn càn chứ!*

*Thầy sờ tai bảo:*

*- Ðâu có! Nó to bè bè như cái quạt thôi!*

*Thầy sờ chân cãi lại:*

*- Ai bảo? Nó sừng sững như cái cột nhà!*

*Thầy sờ đuôi lại nói:*

*- Các thầy nói không đúng cả. Chính nó tua tủa như cái chổi xể cùn.
Năm thầy, thầy nào cũng cho mình nói đúng, không ai chịu ai, thành ra xô xát, đánh nhau toác đầu, chảy máu.*

 (*Tuyển tập Văn học dân gian Việt Nam, tập III,*

 NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1:** Trong truyện, năm ông thầy bói đã sờ vào những bộ phận nào của con voi?

A. Vòi, ngà, tai, chân, đuôi.

 B. Vòi, ngà, tai, chân, lưng.

 C. Vòi, ngà, mắt, chân, lưng.

 D. Tai, mắt, lưng, chân, đuôi.

**Câu 2:** Truyện “Thầy bói xem voi” được kể bằng lời của ai?

A. Lời của con voi.

 B. Lời của ông thầy bói.

 C. Lời của người kể chuyện.

 D. Lời của người quản voi.

**Câu 3:** Trong câu sau có bao nhiêu số từ?

 “*Chợt nghe người ta nói có voi đi qua, năm thầy chung nhau tiền biếu người quản voi, xin cho voi đứng lại để cùng xem.”*

 A. Bốn

 B. Ba

 C. Hai

 D. Một

`**Câu 4:** Trong truyện, năm ông thầy bói đã sờ vào con voi thật nhưng không thầy nào nói đúng về con vật này. Sai lầm của họ là ở chỗ nào?

 A. Xem xét các bộ phận của voi một cách hời hợt, phiến diện, không cụ thể

 B. Không xem xét voi bằng mắt mà xem bằng tay.

C. Không xem xét toàn diện mà chỉ dựa vào từng bộ phận để đưa ra nhận xét.

D. Xem xét một cách quá kĩ lưỡng từng bộ phận của voi.

**Câu 5:** Nguyên nhân sâu xa nào dẫn tới việc tranh cãi của năm ông thầy bói?

 A. Do các thầy không có chung ý kiến.

 B. Do không hiểu biết, xem xét phiến diện, qua loa, chủ quan sự vật.

 C. Do năm ông thầy bói đều cho rằng mình đúng.

 D. Do các thầy không nhìn thấy.

**Câu 6. Ý nào nói đúng về ý nghĩa của thành ngữ “Thầy bói xem voi”?**

A. Nói về cách đánh giá loài vật thông qua hình thức bề ngoài.

B. Nói về những người bị mù làm nghề xem bói.

C. Nói về cách xem xét sự vật, sự việc phiến diện.

D. Nói về sự thiếu hiểu biết, môi trường sống hạn hẹp.

**Câu 7:** Truyện “Thầy bói xem voi” phê phán điều gì?

 A. Phê phán những việc làm vô bổ, không mang lại lợi ích cho bản thân cũng như người khác.

 B. Phê phán thái độ khinh thường người khác.

 C. Phê phán những nhận xét, đánh giá không có cơ sở hoặc chưa có chứng cứ một cách xác đáng, nhìn nhận sự vật một cách phiến diện.

 D. Phê phán thái độ không dám đấu tranh chống cái xấu, cái tiêu cực.

**Câu 8:** Nhận xét nào đúng với truyện “Thầy bói xem voi”?

 A. “Thầy bói xem voi” khuyên chúng ta cần học tập chăm chỉ để mở rộng hiểu biết.

 B. “Thầy bói xem voi” khuyên chúng ta cần nhìn nhận sự việc một cách toàn diện, khách quan.

 C.“Thầy bói xem voi” khuyên chúng ta phải biết yêu thương, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau.

 D. “Thầy bói xem voi” khuyên ta phải biết bảo vệ ý kiến của bản thân trong mọi hoàn cảnh.

**Trả lời câu hỏi:**

**Câu 9:** Em có nhận xét gì về hành động xô xát, đánh nhau của năm ông thầy bói?

**Câu 10:** Em rút ra bài học gì cho bản thân sau khi đọc truyện “Thầy bói xem voi”?

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Hãy viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử mà em yêu thích.

----------------------Hết----------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | D | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | C | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | - HS nêu được quan điểm của bản thân: đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần.- Lí giải được lí do lựa chọn quan điểm của bản thân. | 1,0 |
|  | **10** | - HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học.+ Cần nhìn nhận sự việc một cách toàn diện, khách quan…+ Cần lắng nghe, tham khảo ý kiến của người khác…+ Cần thận trọng trước những lời đánh giá, nhận xét để tránh những sai lầm. - Lí giải được lí do nêu bài học ấy. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.*Kể lại một sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử* | 0,25 |
|  | *c. Kể lại một sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử*HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | 2,5 |
| - Giới thiệu đôi nét về nhân vật lịch sử mà em định kể.- Giới thiệu được sự việc liên quan đến nhân vật đó.- Kể diễn biến của sự việc (có sử dụng yếu tố miêu tả). Các sự kiện chính: bắt đầu – diễn biến – kết thúc.- Nêu ý nghĩa của sự việc.- Nêu suy nghĩ, ấn tượng của em về sự việc. |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | **60** |
| Thơ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | **60%** | **40%** |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN 7**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức**  | **Mức độ đánh giá**  | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **Nhận biết**:- Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản.- Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện.- Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn.- Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).**Thông hiểu**:- Tóm tắt được cốt truyện.- Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.- Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.- Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.**Vận dụng:**- Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.**-** Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm.  | 3 TN | 5TN | 2 TL |  |
| 2 | **Viết** | Kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. | **Nhận biết:****Thông hiểu:****Vận dụng:****Vận dụng cao:**Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 TL\* |
| **Tổng** |  | **3 TN** | **5 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** |  | **20** | **40** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **60** | **40** |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

***(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề.)***

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**RÙA VÀ THỎ**

*Trời mùa thu mát mẻ. Trên bờ sông, Rùa đang cố sức tập chạy. Thỏ trông thấy liền mỉa mai Rùa:*

*- Đồ chậm như sên. Mày mà cũng đòi tập chạy à ?*

*- Anh đừng giễu tôi. Anh với tôi thử chạy thi, coi ai hơn ?*

*Thỏ vểnh tai tự đắc:*

*- Được, được! Dám chạy thi với ta sao? Ta chấp mi một nửa đường đó.*

*Rùa không nói gì. Nó biết mình chậm chạp, nên có sức chạy thật nhanh. Thỏ nhìn theo mỉm cười. Nó nghĩ: Ta chưa cần chạy vội, đợi Rùa gần đến đích ta phóng cũng vừa. Nó nhởn nhơ trên đường, nhìn trời, nhìn mây. Thỉnh thoảng nó lại nhấm nháp vài ngọn cỏ non, có vẻ khoan khoái lắm.*

*Bỗng nó nghĩ đến cuộc thi, ngẩng đầu lên thì đã thấy Rùa chạy gần tới đích. Nó cắm cổ chạy miết nhưng không kịp nữa. Rùa đã tới đích trước nó.*

 (Câu chuyện *Rùa và Thỏ*, Theo truyện La Phông-ten,

SGK lớp 1, tập một, NXBGD trẻ 2020 )

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1**. Truyện ***Rùa và Thỏ*** thuộc thể loại nào?

A. Truyền thuyết

B. Thần thoại

C. Truyện cổ tích

D. Truyện ngụ ngôn

**Câu 2**. Nhân vật chính trong truyện ***Rùa và Thỏ*** là ai?

A. Rùa

B. Thỏ

C. Rùa và Thỏ

D. Sên

**Câu 3. Thỏ chế giễu Rùa như thế nào?**

**A.**Bảo Rùa là “*chậm như sên”*.

**B.**Bảo Rùa thử chạy thi xem ai hơn .

**C.**Bảo Rùa *“Anh đừng giễu tôi”*

**D.**Bảo Rùa là đồ đi cả ngày không bằng một bước nhảy của Thỏ.

**Câu 4. Vì sao có cuộc chạy thi giữa Rùa và Thỏ?**

**A.**Rùa thích chạy thi với Thỏ

**B.**Thỏ thách Rùa chạy thi

**C.**Thỏ chê Rùa chậm chạp khiến Rùa quyết tâm chạy thi.

**D.**Rùa muốn thách Thỏ chạy thi với mình.

**Câu 5. Vì sao Thỏ thua Rùa?**

**A.**Rùa chạy nhanh hơn Thỏ.

**B.**Rùa cố gắng còn Thỏ chủ quan, coi thường Rùa.

**C.**Rùa dùng mưu mà Thỏ không biết.

**D.**Rùa vừa chạy vừa chơi mà vẫn tới đích trước.

**Câu 6**: Trong các câu: “*Rùa không nói gì. Nó biết mình chậm chạp, nên có sức chạy thật nhanh*”, tác giả sử dụng phép liên kết gì?

 A. Phép thế

B. Phép nối

C. Phép lặp

D. Dùng từ đồng nghĩa

**Câu 7.** Truyện *Thỏ và Rùa* phê phán điều gì?

A. Phê phán những những người lười biếng, khoe khoang.

B. Phê phán những người lười biếng khoe khoang, chủ quan, kiêu ngạo.

C. Phê phán những người chủ quan, ích kỉ.

D. Phê phán những người coi thường người khác.

**Câu 8**. Hậu quả của thái độ chủ quan, kiêu ngạo của Thỏ là gì?

A. Thỏ đi học muộn.

B. Thỏ thua Rùa, bị mọi người cười nhạo.

C. Thỏ cắm cổ chạy, bị ngã.

D. Thỏ mải mê bắt bướm, quên đường về.

**Trả lời câu hỏi /Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9. Hãy rút ra bài học sau khi đọc văn bản trên.**

**Câu 10. Em có nhận xét gì về nhân vật Thỏ qua câu nói: “***Dám chạy thi với ta sao? Ta chấp mi một nửa đường đó*”. ***(Khoảng 2-3 câu)***

**II. LÀM VĂN (4.0 điểm)**

Hãy viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử mà em yêu thích.

----------------------Hết----------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần**  | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | D | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
| **9** | HS nêu được bài học rút ra sau khi đọc tác phẩm, có thể trả lời theo những gợi ý sau: * Chậm mà kiên trì sẽ chiến thắng, nhanh mà chủ quan, kiêu ngạo thì dễ dẫn đến thất bại.
* Chỉ cần chúng ta biết kiên trì thì sẽ dễ dàng dẫn đến thành công.
 | 1 |
| **10** | HS tự rút ra nhận xét qua câu nói của Thỏ. Sau đây là một số định hướng: câu nói trên ta nhận thấy Thỏ là kẻ kiêu căng, ngạo mạn, chủ quan, coi thường người khác. | 1 |
| **II** |  | **VIẾT** |  |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | 0,5 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.Kể lại một sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử mà em yêu thích. | 0,25 |
|  | *c. Kể lại một sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử.*HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, cần đảm bảo theo các định hướng sau: |  |
|  | - Giới thiệu đôi nét về nhân vật lịch sử và sự việc liên quan đến nhân vật mà em định kể.- Kể các sự kiện chính có liên quan đến nhân vật (có sử dụng yếu tố miêu tả): bắt đầu – diễn biến – kết thúc.- Nêu suy nghĩ, ấn tượng của em về nhân vật. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp:*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo, sử dụng linh hoạt yếu tố miêu tả trong bài viết. | 0,5 |
|

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | 1. Truyện ngụ ngôn | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| 2. Truyện khoa học viễn tưởng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Viết** |  1. Nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành) | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
|  |  | 2. Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | **20** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | **60%** | **40%** |

**Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | 1. Truyện ngụ ngôn | **Nhận biết**:- Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản.- Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện.- Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn.- Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).**Thông hiểu**:- Tóm tắt được cốt truyện.- Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.- Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.- Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.**Vận dụng:**- Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.**-** Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| 2. Truyện khoa học viễn tưởng | **Nhận biết**:- Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu, những yếu tố mang tính “viễn tưởng” của truyện biễn tưởng (những tưởng tượng dựa trên những thành tựu khoa học đương thời).- Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.- Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện viễn tưởng.- Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).**Thông hiểu**:- Tóm tắt được cốt truyện.- Nêu được chủ đề, thông điệp, những điều mơ tưởng và những dự báo về tương lai mà văn bản muốn gửi đến người đọc.- Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật truyện khoa học viễn tưởng thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.**Vận dụng:**- Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong văn bản. |
| **2** | **Viết** | 1. Nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành) | **Nhận biết:****Thông hiểu:****Vận dụng:****Vận dụng cao:**Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| 2. Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. | **Nhận biết:****Thông hiểu:****Vận dụng:****Vận dụng cao:** Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả. |  |  |  |  |
| **Tổng** |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **60** | **40** |

* **Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II VĂN 7**

**I. ĐỌC HIỂU**

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

**RÙA VÀ THỎ**

*Trời mùa thu mát mẻ. Trên bờ sông, Rùa đang cố sức tập chạy. Thỏ trông thấy liền mỉa mai Rùa:*

*- Đồ chậm như sên. Mày mà cũng đòi tập chạy à ?*

*- Anh đừng giễu tôi. Anh với tôi thử chạy thi, coi ai hơn ?*

*Thỏ vểnh tai tự đắc:*

*- Được, được! Dám chạy thi với ta sao ? Ta chấp mi một nửa đường đó.*

*Rùa không nói gì. Nó biết mình chậm chạp, nên có sức chạy thật nhanh. Thỏ nhìn theo mỉm cười. Nó nghĩ : Ta chưa cần chạy vội, đợi Rùa gần đến đích ta phóng cũng vừa. Nó nhởn nhơ trên đường, nhìn trời, nhìn mây. Thỉnh thoảng nó lại nhấm nháp vài ngọn cỏ non, có vẻ khoan khoái lắm.*

*Bỗng nó nghĩ đến cuộc thi, ngẩng đầu lên thì đã thấy Rùa chạy gần tới đích. Nó cắm cổ chạy miết nhưng không kịp nữa. Rùa đã tới đích trước nó.*

(Câu chuyện *Rùa và Thỏ*, Theo truyện La Phông-ten)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1**. Truyện ***Rùa và Thỏ*** thuộc thể loại nào?

A. Truyền thuyết

B. Thần thoại

C. Truyện cổ tích

D. Truyện ngụ ngôn

**Câu 2**. Nhân vật chính trong truyện ***Rùa và Thỏ***là ai?

A. Rùa

B. Thỏ

C. Rùa và Thỏ

D. Sên

**Câu 3. Thỏ chế giễu Rùa như thế nào?**

**A.**Bảo Rùa là chậm như sên.

**B.**Bảo Rùa thử chạy thi xem ai hơn .

**C.**Bảo Rùa *“Anh đừng giễu tôi”*

**D.**Bảo Rùa là đồ đi cả ngày không bằng một bước nhảy của Thỏ.

**Câu 4. Vì sao có cuộc chạy thi giữa Rùa và Thỏ?**

**A.**Rùa thích chạy thi với Thỏ

**B.**Thỏ thách Rùa chạy thi

**C.**Thỏ chê Rùa chậm chạp khiến Rùa quyết tâm chạy thi.

**D.**Rùa muốn thách Thỏ chạy thi với mình.

**Câu 5. Vì sao Thỏ thua Rùa?**

**A.**Rùa chạy nhanh hơn Thỏ.

**B.**Rùa cố gắng còn Thỏ chủ quan, coi thường Rùa.

**C.**Rùa dùng mưu mà Thỏ không biết.

**D.**Rùa vừa chạy vừa chơi mà vẫn tới đích trước.

**Câu 6**: Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu “*Đồ chậm như sên*.”

A.Nhân hóa

B.Ẩn dụ

C.So sánh

D.Điệp ngữ

**Câu 7.** Truyện *Thỏ và Rùa*phê phán điều gì?

A.Phê phán những những người lười biếng, khoe khoang.

B.Phê phán những người lười biếng khoe khoang, chủ quan, kiêu ngạo.

C.Phê phán những người chủ quan, ích kỉ.

D.Phê phán những người coi thường người khác.

**Câu 8**. Hậu quả của thái độ chủ quan, kiêu ngạo của Thỏ là gì?

A.Thỏ đi học muộn.

B.Thỏ thua Rùa, bị mọi người cười nhạo.

C.Thỏ cắm cổ chạy, bị ngã.

D.Thỏ mải mê bắt bướm, quên đường về.

**Trả lời câu hỏi /Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9. Qua câu chuyện trên em rút ra được bài học gì?**

**Câu 10:** Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn sau và cho biêt tác dụng của biện pháp tu từ ấy? “*Thỏ nhìn theo mỉm cười. Nó nghĩ : Ta chưa cần chạy vội, đợi Rùa gần đến đích ta phóng cũng vừa. Nó nhởn nhơ trên đường, nhìn trời, nhìn mây. Thỉnh thoảng nó lại nhấm nháp vài ngọn cỏ non, có vẻ khoan khoái lắm.”*

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em biết.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần**  | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | D | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
| **9** | Bài học: - Chậm mà kiên trì sẽ chiến thắng nhanh mà chủ quan kiêu ngạo. - Chỉ cần chúng ta kiên trì chắc chắn thì sẽ thành công.- Nhận thức được giá trị của lòng kiên trì, bền bỉ, cố gắng trong cuộc sống...( Mỗi bài học đạt 0,5 điểm) | 1,0 |
| **10** | \* Biện pháp tu từ: Nhân hoá: “*Thỏ nhìn theo mỉm cười. Nó nghĩ : Ta chưa cần chạy vội, đợi Rùa gần đến đích ta phóng cũng vừa.”*\* Tác dụng:+ Làm cho cách diễn đạt trở nên sinh động, giàu sức gợi hình, gợi cảm, hấp dẫn người đọc, người nghe+ Làm cho hình ảnh Thỏ trở nên sinh động, gần gũi, mang những hành động, suy nghĩ như con người, làm nổi bật tính kiêu căng, tự phụ coi thường người khác của Thỏ.+ Thể hiện thái độ phê phán, không đồng tình của tác giả với tính kiêu căng, tự phụ coi thường người khác của Thỏ. | 0,250,250,250,25 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
|  | **\*. Hình thức:** Viết đúng hình thức bài văn nghị luận, đủ bố cục 3 phần, trình bày sạch đẹp, khoa học, diễn đạt lưu loát. |  0,5 |
|  | **\*. Nội dung:****1. Mở bài:** - Giới thiệu sự việc có thật liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử. |  0,5 |
|  | **2. Thân bài:**- Gợi lại bối cảnh, câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật, sự kiện+ Câu chuyện, huyền thoại liên quan đến nhân vật, sự kiện+ Dấu tích liên quan- Thuật lại nội dung/ diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử+ Bắt đầu - diễn biến - kết thúc+ Sử dụng được một số bằng chứng (tư liệu, trích dẫn,...); kết hợp kể chuyện với miêu tả- Ý nghĩa, tác động của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật/ sự kiện lịch sử |  2,5 |
|  | **3. Kết bài:**- Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về sự việc. |  0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** |  Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | **20** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | **60%** | **40%** |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **Nhận biết**:- Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản.- Nhận biết được ngôi kể/ đặc điểm của lời kể trong truyện.- Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn.- Xác định được số từ, phó từ/ các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).**Thông hiểu**:- Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.- Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.- Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện. **Vận dụng:**- Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.**-** Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm.  | 3TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử  | **Nhận biết:** - Kiểu bài: văn tự sự;- Nội dung: Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử**Thông hiểu:**- Hiểu được bố cục, cách làm bài tự sự;- Hiểu được nội dung vấn kể sự việc có thật trong lịch sử- Hiểu được ngôi kể, nhân vật, cốt truyện, các sự việc chính.**Vận dụng:** - Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử: xác định được ngôi kể, thuật lại được nhân vật lịch sử có thật, các sự việc liên quan đến nhân vật lịch sử.- Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. - Bắt đầu - diễn biến - kết thúc phù hợp.**Vận dụng cao:** - Biết kết hợp kể chuyện với miêu tả.- Sử dụng một số bằng chứng (tư liệu, trích dẫn…) phù hợp giúp câu chuyện thêm sinh động, hấp dẫn. |  |  |  | 1TL\* |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng** |  | **3TN** | **5TN** | **2TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **60** | **40** |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:**

 **KIẾN VÀ CHÂU CHẤU**

Vào một ngày hè nắng chói chang và gió thổi mát rượi, một chú châu chấu xanh nhảy tanh tách trên cánh đồng, miệng chú ca hát ríu ra ríu rít. Bỗng chú bắt gặp bạn kiến đi ngang qua, bạn ấy đang còng lưng cõng một hạt ngô để tha về tổ. Châu chấu cất giọng rủ rê: “Bạn kiến ơi, thay vì làm việc cực nhọc, chi bằng bạn hãy lại đây trò truyện và đi chơi thoả thích cùng tớ đi!”. Kiến trả lời: “Không, tớ bận lắm, tớ còn phải đi kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông sắp tới. Bạn cũng nên làm như vậy đi bạn châu chấu ạ”. “Còn lâu mới tới mùa đông, bạn chỉ khéo lo xa”. Châu chấu mỉa mai. Kiến dường như không quan tâm tới những lời của châu chấu xanh, nó tiếp tục tha mồi về tổ một cách chăm chỉ và cần mẫn.

Thế rồi mùa đông lạnh lẽo cũng tới, thức ăn trở nên khan hiếm, châu chấu xanh vì mải chơi không chuẩn bị lương thực nên giờ sắp kiệt sức vì đói và rét. Còn bạn kiến của chúng ta thì có một mùa đông no đủ với một tổ đầy những ngô, lúa mì mà bạn ấy đã chăm chỉ tha về suốt cả mùa hè.

***(Truyện ngụ ngôn “Kiến và Châu chấu”- trang 3-NXB thông tin)***

**Câu 1**. Truyện *Kiến và châu chấu* thuộc thể loại nào?

A. Truyện ngụ ngôn. B. Truyện đồng thoại. C. Truyền thuyết. D. Thần thoại.

**Câu 2**. ***Vào những ngày hè, chú châu chấu đã làm gì?***

A. Nhảy tanh tách trên cánh đồng, miệng ca hát ríu ra ríu rít.

B. Siêng năng làm bài tập về nhà cô giáo phát.

C. Cần cù thu thập đồ ăn dự trữ cho mùa đông.

D. Giúp châu chấu mẹ dọn dẹp nhà cửa.

**Câu 3*. Châu chấu đã rủ kiến làm gì cùng mình?***

A. Cùng nhau thu hoạch rau củ trên cánh đồng.

B. Trò chuyện và đi chơi thoả thích.

C. Cùng nhau về nhà châu chấu chơi.

D. Cùng nhau chuẩn bị lương thực cho mùa đông.

**Câu 4*.*** Trạng ngữ trong câu sau được dùng để làm gì ?

*“Vào một ngày hè nắng chói chang và gió thổi mát rượi, một chú châu chấu xanh nhảy tanh tách trên cánh đồng, miệng chú ca hát ríu ra ríu rít.”*

A. Chỉ nguyên nhân.

B. Chỉ thời gian.

C. Chỉ mục đích.

C. Chỉ phương tiện.

**Câu 5**. Vì sao kiến không đi chơi cùng châu chấu?

A. Kiến không thích đi chơi.

B. Kiến không thích châu chấu.

C. Kiến bận đi kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông.

D. Kiến không muốn lãng phí thời gian.

**Câu 6**. Vì sao kiến lại có một mùa đông no đủ?

A. Vì còn dư thừa nhiều lương thực.

B. Kiến chăm chỉ, biết lo xa.

C. Kiến được bố mẹ cho nhiều lương thực.

D. Được mùa ngô và lúa mì.

**Câu 7**. Theo em, châu chấu là hình ảnh đại diện cho những kiểu người nào trong cuộc sống?

A. Những người vô lo, lười biếng.

B. Những người chăm chỉ.

C. Những người biết lo xa .

D. Những người chỉ biết hưởng thụ.

**Câu 8. Từ “kiệt sức” có nghĩa là gì?**

A. Không còn sức để làm.

B. Không có sức khỏe.

C. Yếu đuối.

D. Yếu ớt.

**Câu 9**. Nếu là châu chấu trong câu chuyện, em sẽ làm gì trước lời khuyên của kiến?

**Câu 10** . Nêu bài học tâm đắc nhất mà em rút ra từ câu chuyện trên?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | D | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
|  | **9** | - HS có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, miễn là hợp lí. Ví dụ: - Em sẽ nghe theo lời kiến- Em sẽ chăm chỉ cùng kiến đi kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông | 1,0 |
|  | **10** | - HS có thể diễn đạt nhiều cách khác nhau, nhưng phải nêu được bài học cụ thể, có ý nghĩa phù hợp.Ví dụ: - Luôn chăm chỉ trong học tập và làm việc, không được ham chơi, lười biếng.- Biết nhìn xa trông rộng. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *1*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | 0,25 |
|  | *2. Xác định đúng yêu cầu của đề*.Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử | 0,25 |
|  | *3. HS có thể triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng về cơ bản phải đáp ứng các nội dung sau:*3.1. Mở bài:- Nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử mà văn bản thuật lại- Nêu lí do hay hoàn cảnh người viết thu thập tài liệu liên quan3.2 Thân bài- Gợi lại bối cảnh câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật, sự kiện.+ Câu chuyện, huyền thoại tích liên quan đến nhân vật, sự kiện.+ Dấu tích liên quan.- Thuật lại nội dung/ diễn biến sự việc có thật liên quan đến nhân vật, sự kiện.+ Bắt đầu – diến biến – kết thúc+ Sử dụng một số bằng chứng (tư liệu, trích dẫn…); kể kết hợp với miêu tả3.3. Kết bài- Khắng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về sự việc. | 3,00,52,00,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn sự kiện nhân vật lịch sử có thật, phù hợp | 0,25 |

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | **Học sinh đưa ra được quan điểm: *không đồng tình với cách ứng xử của Thỏ* và lý giải một cách hợp lí.** **Có thể lý giải như sau:*** Vì Thỏ rất kiêu ngạo, xem thường người khác, luôn tỏ ra tự mãn,..
* Cần tôn trọng bạn bè và mọi người

-……*\* Hướng dẫn chấm:**- HS đưa ra được quan điểm không đồng tình: 0,25 diểm**- HS lý giải hợp lí, rõ ràng thuyết phục: 0,75điểm**- Có lý giải nhưng chưa đủ sức thuyết phục: 0,5 điểm**- Lý giải còn chung chung: 0,25 điểm**- Lý giải không phù hợp, sai lệch hoặc không lý giải: 0 điểm.**( Trên đây chỉ là một số gợi ý, học sinh có thể có cách diễn đạt khác miễn hợp lí, GV linh hoạt ghi điểm)* | 1,0 |
|  | **10** | **Học sinh rút ra được bài học đúng, sâu sắc, hợp lí, thấu đáo, thuyết phục.** **Có thể là:** - Cần phải kiên trì, bền bỉ, cố gắng nổ lực trong cuộc sống. - Lên án những người lười biếng, khoe khoang, tự cao, kiêu ngạo, cho mình là nhất và xem thường người khác.-……*\* Hướng dẫn chấm:**- Học sinh nêu được bài học sâu sắc: 1,0 điểm**- Học sinh nêu được bài học hợp lý nhưng chưa sâu: 0,75điểm**- Học sinh nêu được bài học nhưng còn chung chung: 0,5điểm**- Học sinh nêu được một vài phẩm chất liên quan đến bài học 0,25điểm* *( Trên đây chỉ là một số gợi ý, học sinh có thể có cách diễn đạt khác miễn hợp lí, GV linh hoạt ghi điểm)* | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo bố cục bài văn nghị luận:* **Mở bài** nêu được vấn đề cần nghị luận (sự việc, hiện tượng). **Thân bài** lần lượt lập luận đưa ra những ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng thể hiện quan điểm, suy nghĩ của mình về sự việc, hiện tượng. **Kết bài** khẳng định lại quan điểm, suy nghĩ; rút ra bài học đối với bản thân, nhắn nhủ. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Vai trò của việc học và ý thức của việc học tập. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai nội dung bài viết:* Đảm bảo theo các nội dung sau đây:**1. Mở bài:** Giới thiệu, dẫn dắt vấn đề nghị luận.*\* Hướng dẫn chấm:**+ Giới thiệu đầy đủ, hợp lí, ấn tượng: 0,5 điểm.**+ Giới thiệu sơ sài: 0,25 điểm.***2. Thân bài:** **\* Giải thích:**- Học tập là gì?**\* Phân tích:** ***- Vai trò của việc học***: Học tập là hành trang không thể thiếu của con người trong việc chinh phục những ước mơ, lí tưởng..., là cơ sở để con người đi đến thành công...-***Tại sao học sinh cần nỗ lực, cố gắng học tập không ngừng?*** (Là khoảng thời gian lí tưởng nhất cho việc học tập, nuôi dưỡng nhiều ước mơ, hoài bão...)- ***Hiện trạng học tập của học sinh hiện nay:*** *Nhiều học sinh chưa ý thức được tầm quan trọng của việc học: chưa chủ động, còn lơ là...*- ***Hậu quả:*** *Học hành sa sút, mất kiến thức cơ bản...***\* Bàn luận:*** Những HS hiểu được tầm quan trọng của việc học, có ý thức chủ động, tích cực trong học tập sẽ thực hiện được ước mơ, thành công trong cuộc sống... *(dẫn chứng)*
* Tuy nhiên, vẫn còn một số học sinh chưa ý thức được tầm quan trọng của việc học: chưa chủ động, còn lơ là.... *(dẫn chứng)*

**\* Bài học:** - Mỗi chúng ta cần nhận thức đúng đắn vai trò của việc học.- Cần chủ động, tự giác, tích cực trong việc học.\* *Hướng dẫn chấm:**- Đầy đủ các ý. Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, lí lẽ xác đáng, dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp: 1,0 – 1,5 điểm.**- Tương đối đầy đủ các ý. Lập luận chưa chặt chẽ, lí lẽ chưa thật xác đáng, chưa có hoặc có dẫn chứng nhưng chưa tiêu biểu: 0,5 - 1,0 điểm**- Thiếu ý, lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục; lí lẽ không xác đáng, không có dẫn chứng: 0,25 điểm***3. Kết bài:**- Khẳng định lại vai trò và tầm quan trọng của việc học tập.*Hướng dẫn chấm:** *Kết thúc vấn đề hợp lí, ấn tượng: 0,5 điểm.*
* *Kết thúc sơ sài: 0,25 điểm.*
 | 2,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: - Vận dụng kết hợp các thao tác lập luận, lý lẽ và dẫn chứng chặt chẽ, thuyết phục, giọng điệu linh hoạt. Bài văn mạch lạc, trong sáng.- Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, biết liên hệ thực tiễn phù hợp. | 0,5 |